

# NHỮNG DI VẬT ĐÁ CÓ NIÊN ĐẠI THỜI HẬU LÊ Ở MỘT SỐ NGÔI CHÙA THUỘC THIỀN PHÁI TRÚC LÂM

NGUYỄN VĂN TIẾN<sup>(\*)</sup>

*Đạo Phật được truyền vào Việt Nam tính đến nay đã được ngót ngàn năm. Thiền phái Trúc Lâm do Trần Nhân Tông khởi xướng, được hình thành vào cuối thế kỉ XIII. Những ngôi chùa thuộc thiền phái Trúc Lâm được đề cập trong bài viết này chủ yếu có nguồn gốc từ thời Trần. Dấu hiệu nhận biết các ngôi chùa này là ở nhà Tổ thường có tượng thờ của cả ba vị sáng lập ra thiền phái Trúc Lâm là Trần Nhân Tông, Pháp Loa và Huyền Quang, hoặc tượng thờ của một trong ba vị ấy. Những bia đá thời Hậu Lê còn lại ở một số ngôi chùa này đã mang lại cho các nhà nghiên cứu nhiều thông tin bổ ích, góp phần tìm hiểu nhiều lĩnh vực khoa học khác nhau như: lịch sử, địa lí, lịch sử trùng tu chùa, làm mới và tô lại tượng Phật, tên gọi của chùa qua các thời kỳ lịch sử. Đây là những di vật rất có giá trị cần phải được giữ gìn, bảo quản như những báu vật của đất nước.*

**Ph**ái thiền Trúc Lâm được hình thành sau sự kiện vua Trần Nhân Tông xuất gia tu hành vào cuối thế kỉ XIII, tại núi Yên Tử, tỉnh Quảng Ninh. Từ đây, Trần Nhân Tông lập nên một phái thiền mới trong lịch sử Phật giáo Việt Nam, thiền phái Trúc Lâm. Trước đó, trong khoảng những thế kỉ đầu sau Công nguyên, tại Việt Nam đã hình thành các phái thiền, như: phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi (năm 580), phái Vô Ngôn Thông (năm 820) và thiền phái Thảo Đường (năm 1069). Sự hình thành thiền phái Trúc Lâm đã chấm dứt mọi phái thiền có trước nó; đi cùng với sự hình thành thiền phái Trúc Lâm là sự xuất hiện những ngôi chùa của thiền phái này. Trải qua năm tháng, những ngôi chùa thuộc thiền phái Trúc Lâm cũng đã biến đổi rất nhiều so với lúc ban đầu. Không còn một ngôi chùa nào của thiền phái này còn lại dấu vết

kiến trúc thời Trần. Thay vào đó là các công trình kiến trúc của các thời đại sau (thời Hậu Lê và thời Nguyễn). Các di vật có niên đại thời Trần chỉ còn lại một số rất ít (và chủ yếu là được làm từ chất liệu đá). Số còn lại có niên đại thời Hậu Lê và nhiều hơn là thời Nguyễn và Nguyễn muện. Tuy vậy, những thông tin mà một số di vật này mang lại lại có những giá trị rất lớn về mặt lịch sử, địa lí, tôn giáo. Những nguồn sử liệu đó có thể giúp cho các nhà nghiên cứu lịch sử, Phật giáo, địa lí, quân sự kiểm chứng lại những số liệu, sử liệu còn có sự nghi ngại từ sử liệu dân gian.

## 1. Vài nét về khái niệm và tiêu chí các ngôi chùa thuộc thiền phái Trúc Lâm

Như chúng ta đã biết, Phật giáo Việt Nam (chủ yếu là Phật giáo ở khu vực phía

<sup>(\*)</sup> TS., Trường Đại học Văn hoá Hà Nội.

Bắc) là Phật giáo Đại Thừa với đặc trưng có rất nhiều tượng Phật, tượng bồ tát và tượng các thiên thần trong Phật điện. Phật giáo Việt Nam ở miền Bắc trong suốt quá trình phát triển của mình luôn hội đủ (pha trộn) ba tông phái chủ yếu của Phật giáo Ấn Độ, đó là: Thiền tông, Mật tông, Tịnh độ tông. Trong đó, Thiền tông đóng vai trò chủ đạo. Trong kiến trúc thông lệ, không có sự phân biệt kiểu kiến trúc chùa riêng cho mỗi tông phái như Phật giáo Ấn Độ, Phật giáo Trung Hoa. Nhưng ở Việt Nam, người ta đã đưa ra các khái niệm phân biệt để gọi tên một số loại hình tự viện được hình thành trong quá trình phát triển của mình. Ví dụ như loại chùa tiền thân-hậu Phật, loại chùa tiền Phật-hậu thánh, loại chùa thuộc thiên phái Trúc Lâm.

Tiền thân-hậu Phật là loại chùa mà lúc đầu là các ngôi nhà được dựng lên để thờ các thần nông nghiệp như: thần mây, thần mưa, thần sấm, thần chớp. Việt Nam vốn là nước nông nghiệp, trồng cây lúa nước là chủ yếu, mà lúa nước thì rất cần nước, cho nên con người phải thờ thần nước đã được hoá thân từ các hiện tượng thiên nhiên như trên. Về sau, khi Phật giáo được du nhập vào Việt Nam ở những năm đầu sau Công nguyên, người ta đã đặt các tượng Phật giáo vào các đền thờ các thần nông nghiệp, vốn đã có từ trước, và bây giờ các đền thờ thần này trở thành các ngôi chùa, mà sau này người ta quen gọi là chùa tiền thân-hậu Phật (ví dụ chùa Dâu, Thuận Thành, Bắc Ninh) (3, tr.27).

Tiền Phật- hậu thánh là loại chùa đầu tiên thờ Phật thuần túy, sau đó người ta lại thờ thêm một vị thánh (những vị thánh ở đây thường là những người thực, nhưng do được học tập tu dưỡng có nhiều phép lạ, được tôn làm thánh). Ví dụ như: Từ Đạo Hạnh, Dương Không Lộ, Nguyễn Minh Không, Nguyễn Bình An (thường gọi

là Đức thánh Bối). Những ngôi chùa như vậy sau này thường được gọi là chùa tiền Phật-hậu thánh. Ở đồng bằng Bắc Bộ có các chùa: chùa Thầy, chùa Bối Khê, chùa Trăm gian (Quảng Nghiêm tự), chùa Lý triều Quốc Sư (Hà Nội), chùa Keo (Nam Định), chùa Keo (Thái Bình)... (2, tr.188-191). Những ngôi chùa tiền Phật-hậu thánh thường có hai loại cấu trúc:

Loại thứ nhất có cấu trúc phía trước là toà tam bảo và phía sau có một công trình kiến trúc riêng biệt để thờ thánh. Thuộc cấu trúc loại này có các chùa như: chùa Thầy, chùa Bối Khê, chùa Tổng (Hà Nội), hai chùa Keo ở Thái Bình và Nam Định.

Loại thứ hai không có một kiến trúc riêng để thờ thánh. Thánh được thờ chung với Phật trong toà tam bảo. Loại này có các chùa như: chùa Trăm gian - Quảng Nghiêm tự, chùa Cả - Trung Hưng tự, chùa Ngãi Cầu, chùa Thiên Vũ, chùa Láng - Chiêu Thiên tự, chùa Lý triều Quốc Sư (Hà Nội) (2).

Loại chùa thuộc thiên phái Trúc Lâm là loại chùa thuần túy thờ Phật, nhưng ở nhà Tổ có tượng thờ ba vị sư tổ đầu tiên sáng lập ra thiên phái này là Trần Nhân Tông, Pháp Loa và Huyền Quang, hoặc là loại chùa mà ở nhà Tổ thờ một trong ba vị sư tổ sáng lập nói trên. Những ngôi chùa như vậy, theo nghiên cứu mới đây nhất thì được gọi là chùa thuộc thiên phái Trúc Lâm (1).

Những tiêu chí trên sẽ được dùng để giới thiệu một số bia đá có niên đại thời Hậu Lê ở các ngôi chùa thuộc thiên phái Trúc Lâm, như chùa Côn Sơn, chùa Thanh Mai (Hải Dương), chùa Quỳnh Lâm, chùa Hoa Yên (Quảng Ninh), chùa Phổ Minh (Nam Định). Hy vọng, với số lượng mình vẫn còn khắc trên bia đá sẽ mang lại những thông tin lý thú trong nghiên cứu thuộc các lĩnh vực khác nhau, mà các nhà nghiên cứu thường quan tâm.

## 2. Những bia đá có niên đại thời Hậu Lê

### a. Bia đá chùa Côn Sơn (Hải Dương)

Chùa Côn Sơn được khởi dựng từ thời Trần. Trong quá trình hình thành, chùa Côn Sơn còn có các tên gọi khác như: Chùa Tư Phúc và trong dân gian còn gọi là chùa Hun. Chùa gắn liền với sự ra đời của thiền phái Trúc Lâm do Trần Nhân Tông khởi xướng, và đã qua nhiều lần trùng tu vào các năm 1603, 1607, 1608, 1614, 1651, 1657, 1719, 1921. Năm 1962, chùa được Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà công nhận là di tích lịch sử văn hoá cấp quốc gia. Năm 1964, chùa được công nhận là di tích lớn của đất nước.

Hiện nay, tất cả các bia đá có niên đại khác nhau của chùa Côn Sơn đã được quy tập về và đặt tại 2 dãy ở sân trước cửa toà tiền đường của ngôi chùa này. Chúng tôi chỉ giới thiệu những bia đá thời Hậu Lê, đó là những bia có niên đại trong khoảng thời gian 1533- 1789 (Có một điều thuận lợi là những minh văn trên bia đá chùa Côn Sơn đã được dịch ra tiếng Việt trong cuốn “Di sản Hán Nôm Côn Sơn - Kiếp Bạc - Phụng Sơn”, Nxb. Chính trị quốc gia ấn hành năm 2006. Những bia đá của những ngôi chùa còn lại vẫn chưa được dịch).

- Thanh Hư động: bia có 2 mặt, khổ 1,70x0,90m đặt trên lưng rùa có trang trí hoa văn. Trên trán bia có chữ triện đề: “Long Khánh ngự thư”. Mặt 1 đề “Thanh Hư động” theo lối chữ lệ. Bia đặt tại nhà bia đầu tiên bên trái chùa Côn Sơn từ cổng vào. Bia được tạo tác vào đầu thế kỉ XVII năm Hoàng Định thứ 4 (1604). Mặt 2 của bia có tên “Côn Sơn Tư Phúc tự bi”. Mặt 2 có niên đại như mặt 1.

- Côn Sơn Tư Phúc tự bi: bia này có 6 mặt, khổ 1,2x0,32m, chạm rồng mây, được tạo tác năm Hoàng Định thứ 8 (1608). 6 mặt của bia lần lượt được gọi theo tên bia là: Côn, Sơn, Tư, Phúc, tự, bi.

Bia đặt tại nhà bia thứ 2, bên phải chùa Côn Sơn từ cổng vào.

- Trùng tu Tư Phúc tự bi: bia có 2 mặt, khổ 1x0,65m, chạm rồng, mặt trời, hoa lá. Mặt 1 có tên “Trùng tu Tư Phúc tự bi” dịch là *Bia trùng tu chùa Tư Phúc*. Mặt 2 có tên là “Côn Sơn Tư Phúc tự bi” dịch là *Bia chùa Côn Sơn Tư Phúc*. Hiện nay, bia được đặt tại nhà bia lớn bên phải cạnh chùa Côn Sơn. Bia có niên đại năm Hoàng Định thứ 14 (1614).

- Côn Sơn Thiên Tư Phúc tự: bia có 4 mặt, khổ 0,56x0,36m, chạm rồng, mặt trời, hoa lá. Mặt 1 có tên “Trùng tu Tư Phúc tự bi” dịch là *Bia trùng tu chùa Tư Phúc*. Mặt 2 có tên là “Côn Sơn Tư Phúc tự” dịch là *Bia chùa Côn Sơn Tư Phúc*. Hiện nay bia đặt tại nhà bia lớn bên phải, cạnh chùa Côn Sơn. Bia có niên đại năm Hoàng Định thứ 15 (1615).

- Côn Sơn Thiên Tư Phúc tự: bia có 4 mặt, khổ 0,56x0,36m, chạm rồng, mặt trời, hoa lá. Mặt 1 “Côn Sơn”, mặt 2 “Thiên”, mặt 3 “Tư Phúc”, mặt 4 “tự”, dịch là *Chùa Côn Sơn Thiên Tư Phúc*. Bia tạc tại nhà bia lớn bên trái cạnh chùa Côn Sơn. Bia có niên đại năm Hoàng Định thứ 15 (1615).

- Phụng lệnh dụ cung cấp tam bảo tạo lệ bi kí: bia có 2 mặt, khổ 1,70x0,90m, chạm rồng, mây, hoa, lá. Mặt 1 “Phụng lệnh dụ cung cấp tam bảo tạo lệ bi kí” dịch là *Bài kí bia phụng lệnh dụ làm tạo lệ cung cấp tam bảo*. Mặt 2 “Khôi tạo trùng tu Phật Tổ Côn Sơn Tư Phúc tự” dịch là *Khôi tạo trùng tu Phật Tổ chùa Phật Tổ Côn Sơn Tư Phúc*. Bia đặt tại nhà bia đầu tiên phía bên phải chùa Côn Sơn từ cổng vào. Bia có niên đại giữa thế kỉ XVII năm Thịnh Đức thứ 1 (1653).

- Côn Sơn Thiên Tư Phúc tự... : bia có 2 mặt khổ 0,95x0,65m, chạm rồng, mặt trời, hoa, lá. Mặt 1 “Côn Sơn Thiên Tư Phúc tự” dịch là *Chùa Côn Sơn Thiên Tư Phúc*. Mặt 2 “Phụng lệnh tạo lệ bi kí” dịch

là *Bia ghi việc phụng lệnh chỉ làm tạo lệ*. Bia đặt tại nhà bia lớn, bên phải cạnh chùa Côn Sơn. Bia có niên đại giữa thế kỉ XVII năm Thịnh Đức thứ 4 (1656).

- Côn Sơn Tư Phúc tự kí: bia có 2 mặt, khổ 0,92x0,56m, chạm mặt trời, mây. Mặt 1 “Côn Sơn Tư Phúc tự kí” dịch là *Bài kí chùa Côn Sơn Tư Phúc*. Mặt 2 “Phụng tự hậu Phật bi” dịch là *Bia phụng thờ hậu Phật*. Bia đặt tại nhà bia lớn bên trái cạnh chùa Côn Sơn, được tạo tác năm Vĩnh Thịnh thứ 7 (1711).

- Đăng Minh bảo tháp: bia có 2 mặt, khổ 0,7x0,5m và 0,7x0,4m, không có trang trí. Mặt 1 “Đăng Minh bảo tháp” dịch là *Bia Đăng Minh bảo tháp*. Mặt 2 không có tên. Bia đặt tại tháp Đăng Minh sau chùa Côn Sơn, được tạo tác năm Vĩnh Thịnh thứ 15 (1719).

- Tạo lập Côn Sơn tự: bia có 2 mặt, khổ 0,8x0,58m, chạm rồng, mặt trời, hoa, lá. Mặt 1 “Tạo lập Côn Sơn tự” dịch là *Văn bia xây dựng chùa Côn Sơn*. Mặt 2 “Phụng tự hậu Phật bi” dịch là *Bia phụng thờ hậu Phật*. Bia được đặt tại nhà bia lớn phía bên trái cạnh chùa Côn Sơn, được tạo tác năm Vĩnh Thịnh thứ 16 (1720).

- Khôi tạo trùng tu Phật Tổ Côn Sơn Tư Phúc tự: bia có 2 mặt, khổ 1,4x0,8m chạm rồng, mặt trời, mây, hoa, lá. Mặt 1 tên gọi “Khôi tạo trùng tu Phật Tổ Côn Sơn Tư Phúc tự” dịch là *Văn bia khôi tạo trùng tu chùa Phật Tổ Côn Sơn Tư Phúc*. Mặt 2 tên gọi “Thập phương công đức”. Bia đặt tại nhà bia lớn, phía bên phải cạnh chùa Côn Sơn, được tạo tác năm Bảo Thái thứ 2 (1721).

- Lệnh dụ tạo lệ bi kí: bia có 2 mặt, khổ 1,55x0,9m, chạm rồng, mặt trời, hoa, lá, mây. Mặt 1 “Lệnh dụ tạo lệ bi kí” dịch là *Bài kí bia lệnh dụ tạo lệ*. Mặt 2 “Lưu huệ hậu Phật bi kí” dịch là *Bài kí bia để ruộng hậu Phật*. Bia được tạo tác năm

Vĩnh Hựu thứ 4 (1738), hiện được đặt tại nhà bia phía bên trái cạnh chùa Côn Sơn.

- Tạo lệ Côn Sơn tự bi kí: bia có 2 mặt, khổ 0,71x0,46m, chạm rồng, mặt trời, mây. Mặt 1 “Tạo lệ Côn Sơn tự bi kí” dịch là *Bài kí bia tạo lệ chùa Côn Sơn*. Mặt 2 “Hậu Phật bi kí” dịch là *Bài kí bia hậu Phật*. Bia được tạo tác năm Cảnh Hưng thứ 13 (1752), hiện được đặt tại nhà bia lớn bên phải chùa Côn Sơn.

- Côn Sơn tự tạo lệ bi: bia có 4 mặt, khổ 0,65x0,4m, không trang trí hoa văn. Mặt 1 “Côn Sơn tự tạo lệ bi”, dịch là *Bài kí ghi việc tạo lệ chùa Côn Sơn*. Mặt 2 “Khải luận quan đồn điền bi kí” dịch là *Bài kí ghi khải luận ruộng đồn điền công*. Mặt 3 chỉ ghi ngày tháng khắc văn bia là ngày 29/10 năm Cảnh Hưng thứ 24 (1763). Mặt 4 chỉ ghi ngày khắc minh văn là ngày mùng 6/10 năm Cảnh Hưng thứ 30 (1769). Như vậy, về mặt niên đại của chiếc bia đá này sớm nhất là năm Cảnh Hưng thứ 24 (1763) và năm khắc minh văn mặt 4 cách đó 6 năm, tức 1769. Chúng tôi cho rằng niên đại của bia là năm 1763. Bia hiện đặt tại nhà bia lớn bên phải chùa Côn Sơn.

#### b. Bia đá chùa Thanh Mai (Hải Dương)

Chùa Thanh Mai được khởi dựng từ thời Trần, là một trong những ngôi chùa thuộc thiền phái Trúc Lâm, hiện tọa lạc tại một ngọn đồi ở độ cao 250m so với mặt nước biển. Hiện nay, chùa thuộc địa phận xã Hoàng Hoa Thám, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Chùa đã được sửa chữa nhiều lần và được xếp hạng là di tích lịch sử văn hoá cấp quốc gia năm 1992. Chùa Thanh Mai có hệ thống bia đá với niên đại trải dài từ thời Trần đến thời Nguyễn. Chúng tôi xin giới thiệu những bia đá có niên đại thời Hậu Lê.

- Trùng tu Thanh Mai tự bi: bia có 2 mặt, khổ 1,05 x 0,6 m, trán bia có trang

trí rồng, mặt trời, mây, đao mác. Mặt 1 “Trùng tu Thanh Mai tự bi” dịch là *Bia ghi trùng tu chùa Thanh Mai*. Mặt 2 có khắc tên những người đóng góp tiền của trùng tu chùa Thanh Mai. Bia được tạo tác năm Hoàng Định thứ 10 (1610), hiện được đặt tại phía bên trái trước cửa tiền Đường chùa Thanh Mai, cạnh chiếc bia đá có niên đại Trần (1362).

- Trùng tu Phật tích sơn Thanh Mai tự bi ký: bia có 2 mặt, có mái che, khổ 0,60 x 0,45m. Trán bia có trang trí rồng, mặt trời, đao mác. Mặt 1 “Trùng tu Phật tích sơn Thanh Mai tự bi ký” dịch là *Bia ghi việc sửa chữa chùa Thanh Mai và tu bổ tượng Phật*. Mặt 2 “Trùng quang tập ký” dịch là *Một bài kí ghi việc tu bổ chùa*. Bia được tạo tác năm Vĩnh Thịnh thứ 3 (1707), hiện được đặt ở bên phải sát toà tiền đường chùa Thanh Mai.

- Trùng tu Phật tích sơn bi kí: bia có 2 mặt, khổ 0,5 x 0,35m. Trán bia có trang trí rồng, mặt trời, đao mác. Mặt 1 “Trùng tu Phật tích sơn bi kí”. Bia được tạo tác năm Vĩnh Thịnh thứ 2 (1706), hiện đặt tại phía bên phải chùa Thanh Mai.

### c. Bia đá chùa Quỳnh Lâm (Quảng Ninh)

Hiện nay, chùa Quỳnh Lâm thuộc địa phận xã Tràng An, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Chùa đã được xếp hạng là di tích lịch sử- văn hoá cấp quốc gia năm 1991. Chùa đã được trùng tu mới trong thời gian gần đây. Hiện nay chùa còn lưu giữ được một số bia đá có niên đại thời Hậu Lê và thời Nguyễn. Một số bia đá có niên đại thời Hậu Lê đáng chú ý như:

- Bia thứ nhất: bia có tên gọi “Trùng tu tái tạo Tiên Du sơn đệ nhất Quỳnh Lâm tự bi” dịch là *Bia ghi lại việc trùng tu tái tạo chùa Quỳnh Lâm- danh lam đệ nhất núi Tiên Du*. Bia có 2 mặt, được trang trí một đôi rồng chầu mặt trời, hoa, lá cách điệu và đao mác. Mặt 1 “Trùng tu

tái tạo Tiên Du sơn đệ nhất Quỳnh Lâm tự bi”. Mặt 2 “An Nam cổ tích danh lam đệ nhất Quỳnh Lâm Phật thiên trụ quốc triều bi kí” dịch là *Bia ghi lại sự tích danh lam nổi tiếng chùa Quỳnh Lâm - nơi cửa Phật của quốc triều An Nam*. Bia hiện đặt ở trên đường đi vào chùa Quỳnh Lâm phía bên trái tại nhà bia, được tạo tác năm Vĩnh Tộ thứ 6 (1624).

- Bia thứ hai: bia này có 4 mặt, có mái che, phía trên cùng là một nậm rượu, dưới chân đế có một hàng cánh sen. Bia cao 1,5m (cả nậm rượu), rộng 0,60m. Bia được đặt cạnh bia thứ nhất tại nhà bia phía bên trái trên đường đi vào. Bia có niên đại năm Bảo Thái thứ 2 (1721).

- Bia thứ 3: bia hiện ở đằng sau gác chuông chùa, được đặt trên bệ hình vuông. Mặt trước của bệ có chạm con Long Mã, đây là bia bài vị. Trên bài vị có dòng chữ “Đông Hải chuyên giáp quả chứng viên minh thụy phúc đức tôn sư”. Trán bia chạm một bông hoa cúc to với những đao mác, hai diềm bia chạm các con vật và hoa lá. Căn cứ vào những nét mác của bia, chúng tôi cho rằng bia có niên đại thời Hậu Lê.

- Bia thứ 4: là một bia hậu Phật, bia có 4 mặt và có mái che. Mặt chính của bia tạc tượng một người phụ nữ có tuổi trong tư thế hai bàn tay để giữa lòng đùi. Các mặt còn lại có chữ. Dạng bia này, chúng ta thường gặp là loại bia hậu Phật, thường xuất hiện vào thời Hậu Lê. Bia ghi tên công đức người cúng tiến, sửa chữa chùa Quỳnh Lâm. Bà là người huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh.

### d. Bia đá chùa Hoa Yên (Quảng Ninh)

Chùa Hoa Yên nằm ở độ cao hơn 500m so với mặt nước biển. Chùa có 4 đơn nguyên, kiến trúc chính nằm trên mặt bằng khoảng 200m<sup>2</sup>. Chùa có từ thời Trần và đã qua nhiều lần trùng tu. Điểm nổi

bật ở chùa Hoa Yên là hệ thống tháp mộ sư, có tới 99 tháp. Bia đá ở chùa Hoa Yên không còn nhiều, có thể kể ra một số bia đá có niên đại thời Hậu Lê ở đây, như:

- Bia thứ nhất: bia có tên gọi “Hoa Yên tự bi”, có 4 mặt, chiều cao 1,3x0,8m, có mái che. 4 mặt bia có 4 niên đại khác nhau. Mặt chữ “bi” có niên đại Hoàng Định thứ 6 (1606), mặt chữ “yên” có niên đại Thịnh Đức nguyên niên (1653), mặt chữ “tự” là Vĩnh Trị thứ 3 (1678), mặt chữ “hoa” có niên đại Quang Hưng thứ 20 (1597). Bia đặt trước mặt chùa Hoa Yên.

- Bia thứ hai: cao 1,4x0,9m. Bia có tên “Phụng sự hậu Phật bi”, có niên đại Bảo Thái thứ 4 (1723). Trong lòng bia tạc 3 tượng ở dạng phù điêu, đặt gọn trong lòng một mặt bia, xếp thành hai hàng, hàng trên một tượng, hàng dưới hai tượng.

- Bia hình voi đá: bia đặt cạnh hai bia đá trên, có hai con voi đá được tạc bằng một khối đá nguyên hình chữ nhật dài 1m, cao 0,5m. Căn cứ vào chất liệu đá xây các tháp mộ xung quanh chùa Hoa Yên, chúng tôi cho rằng bia có niên đại thế kỉ XVII thời Hậu Lê.

*e. Bia đá chùa Phổ Minh (Nam Định)*

Chùa Phổ Minh là một trong những ngôi chùa thuộc thiên phái Trúc Lâm, hiện ở thôn Túc Mạc, xã Lộc Vượng, ngoại thành Nam Định. Chùa có từ thời Trần, chùa còn cây tháp Phổ Minh cao 14 tầng, là một danh lam lớn vào bậc nhất của phủ Thiên Trường. Chùa còn một bia đá duy nhất thời Hậu Lê.

Bia này đặt ở nhà bia bên trái sân chùa, có khổ 2,37x1,5m. Mặt bia chạm kín minh văn và hoa văn trang trí. Bia được tạo tác vào năm Cảnh Trị thứ 6 (1668).

**3. Một vài nhận xét**

Những bia đá thời Hậu Lê còn lại ở các ngôi chùa thiên phái Trúc Lâm là tương đối nhiều. Những văn tự loại này

luôn có độ bền cơ học cao, nhưng không phải là vĩnh viễn. Chúng ta cần phải giữ gìn, tập hợp chúng lại để bảo quản ở các nhà bia. Những thông tin mà chúng mang lại rất có ích cho nhiều lĩnh vực nghiên cứu của nhiều ngành khoa học khác nhau. Theo minh văn của bia “Côn Sơn Tư Phúc tự bi” niên đại 1614 cho biết, vào thời kỳ này chùa Côn Sơn thuộc địa phận xã Chi Ngại, huyện Phượng Nhãn, phủ Lạng Nguyên. Ngoài ra, minh văn bia “Côn sơn Thiên Tư Phúc tự” niên đại 1615 lại cho biết: chùa Côn Sơn lúc này được mở rộng tới 83 gian, đồng thời tạc nhiều tượng Phật. Đáng chú ý là chùa làm mới cây tháp Cửu phẩm liên hoa. Hiện cây tháp này không còn ở chùa Côn Sơn, nhưng ở chùa Bút Tháp (Bắc Ninh) và chùa Đông Ngộ (Hưng Yên) thì vẫn còn. Đáng chú ý hơn là cây tháp Cửu phẩm liên hoa có liên quan chặt chẽ tới dòng Mật tông, một tông phái khá phát triển của Phật giáo Ấn Độ. Sự có mặt của cây tháp Cửu phẩm liên hoa trong các ngôi chùa ở Việt Nam chứng tỏ dòng Mật tông đã liên tục phát triển từ thời Lý-Trần sang thời Hậu Lê. Nó đã biến dạng, nhưng vẫn tiếp tục phát triển và được đông đảo Phật tử tin theo. Cây tháp Cửu phẩm liên hoa ở chùa Côn Sơn lại được tu bổ mới vào đầu thế kỉ thứ XVIII (theo bia “Khôi tạo trùng tu Phật Tổ Côn Sơn Tư Phúc tự” niên đại 1721). Ngoài ra, bia này còn cho biết thêm: chùa Côn Sơn còn làm mới Đấng Minh bảo tháp, dát vàng 3 pho tượng Tổ Trúc Lâm, tô lại trên 500 pho tượng Phật. Ngày nay, 3 pho tượng Tổ Trúc Lâm được dát vàng vào đầu thế kỉ XVIII đã bị mất. Đấng Minh bảo tháp thời Trần được thay thế bằng Đấng Minh bảo tháp thời Hậu Lê đầu thế kỉ XVIII.

Minh văn của bia tháp Viên Thông ở chùa Thanh Mai (Hải Dương) còn cho chúng ta biết thêm, ở chùa này có đúc một pho tượng Thiên thủ đại bi (tức là

tượng Quan Âm nghìn mắt nghìn tay). Theo Giáo sư Hà Văn Tấn, đây là lần đầu tiên tài liệu Phật giáo Việt Nam nhắc đến loại tượng này (3, tr. 49). Như vậy có thể nghĩ rằng, loại tượng Quan Âm nghìn mắt nghìn tay đã xuất hiện sớm nhất vào thời Trần. Vào các thế kỷ sau, loại tượng này đã khá phát triển và đã được tạc nhiều trong các ngôi chùa Việt Nam, như chùa Bút Tháp (Bắc Ninh). Ở ngôi chùa này hiện còn lưu giữ pho tượng Quan Âm thiên thủ thiên nhãn, do nhà điêu khắc họ Trương tạc vào năm 1646, vốn đã rất nổi tiếng về nghệ thuật chạm khắc.

Ngoài những thông tin trên ở chùa Côn Sơn, mình vẫn của bia “Côn sơn Thiên Tư Phúc tự” (bia được tạo tác năm 1615, có 4 mặt), ở mặt thứ 3 mình vẫn cho biết: có nhà sư họ Mai là Mai Chi Bản có công mở mang chùa Côn Sơn rộng tới 83 gian. Làm mới tượng Phật trên cây tháp Cửu phẩm liên hoa tới 385 pho, làm mới tượng Quan Âm nghìn mắt nghìn tay. Ở đây có thể thấy rằng, loại tượng Quan Âm nghìn mắt nghìn tay vốn đã xuất hiện từ thời Trần, đến thời Hậu Lê đã rất phát triển. Chùa Côn Sơn và chùa Bút Tháp là hai chùa ứng nghiệm thành công loại tượng này, nhưng tiếc rằng ngày nay chúng ta chỉ còn pho tượng loại này ở chùa Bút Tháp mà thôi.

Trong lĩnh vực lịch sử, mình vẫn trên bia đá của một số ngôi chùa thiên phái Trúc Lâm còn cung cấp cho chúng ta những thông tin về sự thay đổi tên gọi hay về niên đại xây dựng, trùng tu chùa. Chẳng hạn, ai cũng biết rằng, chùa Phổ Minh được xây dựng vào thời Trần. Nhưng liệu chùa Phổ Minh được mở rộng vào thời Trần, thì trước nó vào thời Lý đã xuất hiện ngôi chùa này chưa? Câu trả lời chính xác chỉ có thể tìm thấy được thông qua mình vẫn trên bia đá còn lại ở chùa này. Mình vẫn của bia có niên đại 1668,

hiện đặt ở phía bên trái sân chùa phía trước cây tháp Phổ Minh nổi tiếng, viết rằng “nhà Lý xây dựng chùa, nhà Trần tô điểm” (1). Như vậy, rõ ràng là trước khi các vua Trần cho mở mang chùa Phổ Minh, nâng cấp hương Túc Mạc thành phủ Thiên Trường thì ở nơi này, vào thời Lý đã có một ngôi chùa cổ rồi.

Không những cung cấp thông tin trên lĩnh vực lịch sử, mà dựa vào tên gọi của bia, ta có thể suy ra tên gọi của chùa. Bia ở chùa Côn Sơn có tên là: “Trùng tu Tư Phúc tự bi” dịch là *Bia trùng tu chùa Tư Phúc*. Rõ ràng, ngoài tên gọi chùa Côn Sơn (vì chùa nằm trên núi Côn Sơn), chùa còn có một tên gọi khác là chùa Tư Phúc. Tên gọi có thể có nhiều, sự thay đổi về tên gọi có thể xảy ra ở nhiều thời điểm lịch sử khác nhau, nhưng rõ ràng rằng sự ghi nhận trên bia đá cũng là một loại hình tư liệu lưu trữ vững bền của người xưa. Chẳng thế mà cha ông ta đã từng khắc tên những người đã thi đỗ từ tiến sĩ trở lên vào bia đá để ở Văn Miếu cho người đời noi theo.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Tiến (chủ nhiệm). Nghiên cứu một số ngôi chùa thuộc thiên phái Trúc Lâm, những giá trị lịch sử- văn hoá. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ. Trường Đại học Văn hoá Hà Nội, 2008, 211tr.
2. Nguyễn Văn Tiến. Chùa Thầy (Thiên Phúc tự). H.: Khoa học xã hội, 2004, 310tr.
3. Hà Văn Tấn, Nguyễn Văn Cự, Phạm Ngọc Long. Chùa Việt Nam. H.: Khoa học xã hội, 1993, 330tr.
4. Di sản Hán Nôm Côn Sơn - Kiếp Bạc - Phượng Sơn. H.: Chính trị quốc gia, 2006, 850tr.

